

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Mã chứng khoán: TTN

Trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, Khu công nghiệp VSIP II, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Tuấn Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin: 24 giờ 72 giờ bất thường yêu cầu định kỳ

Điện thoại: 0274.2220399

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022 kèm công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước.
- Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2022 kèm công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước.

Công bố thông tin này được cập nhật trên Website Công ty ngày 31.../3/2023 tại địa chỉ: <https://vntt.com.vn/Home/BaoCaoTaiChinh>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 31... tháng 3 năm 2023

Người thực hiện công bố thông tin
Tổng Giám đốc



Phạm Tuấn Anh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Số: 79 /CV-VNTT

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất
năm 2022 tăng so với năm 2021 của công ty đại chúng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bình Dương, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
Mã chứng khoán: TTN
Địa chỉ trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, khu công nghiệp Việt Nam –
Singapore II, P. Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274 2220 222
Fax: 0274 3635 200

- Căn cứ: Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam xin giải trình các nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của BCTC hợp nhất năm 2022 tăng 30,6% so với năm 2021 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021: **25.686.310.422 đồng**
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022: **33.553.632.321 đồng**

Nguyên nhân:

- Năm 2022 tình hình dịch bệnh Covid – 19 cả nước đã được kiểm soát, tác động tích cực đến sự phục hồi và ổn định của nền kinh tế, từ đó làm tăng nhu cầu trở lại đối với nhóm khách hàng sử dụng các dịch vụ và hàng hóa của Công ty đã góp phần làm tăng mạnh doanh thu hơn 30% so với cùng kỳ.
- Bên cạnh đó khi dịch bệnh Covid – 19 đã được kiểm soát thì Công ty cũng giảm được khá lớn các chi phí phòng dịch như năm 2021 phải gánh chịu.
- Dòng tiền được cải thiện tích cực sau khi Công ty phát hành tăng vốn thành công cho cổ đông hiện hữu đã làm giảm các khoản vay ngân hàng từ đó giảm được chi phí lãi vay đáng kể so với cùng kỳ.
- Tuy nhiên, hoạt động của công ty con là Công ty TNHH giải pháp VNTT vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong đợi do sản phẩm phần mềm phát triển còn mới chưa tạo được doanh thu đáng kể, kết quả kinh doanh tiếp tục bị lỗ dẫn đến kéo giảm một phần tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của cả tập đoàn.

Trên đây là báo cáo của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam giải trình về việc lợi nhuận sau thuế của BCTC hợp nhất năm 2022 tăng so với năm 2021.

Trân trọng !

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM



Phạm Tuấn Anh



TOTRINH23030308

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG
VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 42
8. Phụ lục	43 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 08 tháng 8 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 - 274) 3 635 201
- Fax : (84 - 274) 3 635 200

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, Đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, Đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, Xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống;
- Sản xuất, lắp ráp, xuất nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động, viễn thông, thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Bán buôn vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Mua bán các sản phẩm phần mềm;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, gia công, xuất khẩu phần mềm;
- Hoạt động truyền hình;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Dịch vụ viễn thông;
- Hoạt động viễn thông không dây;



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động viễn thông vệ tinh;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lắp trình máy vi tính;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình phòng cháy chữa cháy; Công trình điện tử;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị điện và linh kiện điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin, phòng cháy chữa cháy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình điện, điện tử; Công trình điện lạnh; Công trình cấp thoát nước; Công trình phòng cháy chữa cháy;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thông tấn;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng.

815

TY
HỮU
VÀ TU
C
PH

0086

ÔNG
Ổ PH
NG N
YẾN
ỆT N

10T-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Huỳnh Quang Hải	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Giang Quốc Dũng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Bà Võ Thị Thanh Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022
Ông Quảng Văn Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đặng Thanh Hưng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Hải Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đức Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Giang Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
		Miễn nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022
Ông Phạm Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022
Ông Lê Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2009
Ông Lai Xuân Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Ngô Duy Khang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2021
		Miễn nhiệm ngày 09 tháng 11 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Giang Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2022
		Miễn nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022
Ông Phạm Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Số: 1.0857/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Lý Quốc Trung**Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2023-008-1

Người được ủy quyền


Nguyễn Hoàng Yên**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		347.425.730.117	310.747.127.080
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	81.342.264.317	30.403.115.318
1. Tiền	111		20.842.264.317	15.403.115.318
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.500.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.500.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.151.604.462	105.843.223.599
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	111.243.159.678	84.874.342.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.807.599.133	10.277.292.656
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	16.001.464.870	14.887.591.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.900.619.219)	(4.196.002.415)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	123.835.493.958	172.479.961.792
1. Hàng tồn kho	141		123.835.493.958	172.479.961.792
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.596.367.380	2.020.826.371
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.079.190.441	1.564.850.787
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	517.176.939	455.975.584
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		180.995.648.024	176.008.400.573
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		184.684.754	154.345.036
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	184.684.754	154.345.036
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		131.254.047.036	134.751.511.801
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	119.786.441.120	125.443.642.996
- Nguyên giá	222		319.607.431.893	288.331.816.025
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(199.820.990.773)	(162.888.173.029)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.467.605.916	9.307.868.805
- Nguyên giá	228		21.477.719.519	18.065.393.157
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.010.113.603)	(8.757.524.352)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		39.148.146.057	29.747.915.968
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	39.148.146.057	29.747.915.968
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.408.770.177	11.354.627.768
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	10.408.770.177	10.944.607.596
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	410.020.172
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		528.421.378.141	486.755.527.653

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kê toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		87.904.871.323	176.070.739.226
I. Nợ ngắn hạn	310		72.956.539.438	159.497.772.521
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	17.231.042.677	38.354.166.805
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.828.145.109	7.558.719.642
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6.604.684.759	3.369.183.850
4. Phải trả người lao động	314	V.16	8.601.367.712	7.135.960.883
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.558.143.814	11.977.447.653
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	11.386.213.460	9.396.890.681
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	10.696.069.897	11.098.987.907
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	3.000.000.000	67.624.995.879
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21a	2.243.920.197	1.498.615.598
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.806.951.813	1.482.803.623
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.948.331.885	16.572.966.705
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	639.160.977	1.281.957.863
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	6.140.769.782	5.377.513.058
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	6.676.271.500	9.676.271.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	1.101.214.991	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21b	390.914.635	237.224.284
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

C.T.Đ.
HẠN
V. V. V.
U. CH. V.

1497-
TY
IN
HỆ
HÔNG
M
BINH D.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

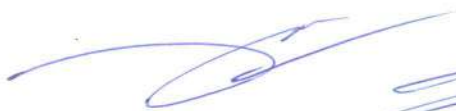
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		440.516.506.818	310.684.788.427
I. Vốn chủ sở hữu	410		440.516.506.818	310.684.788.427
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	367.275.000.000	244.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		367.275.000.000	244.850.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	(382.600.000)	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	39.544.795.990	38.260.480.469
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.24	439.285.060	439.285.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	33.640.025.768	27.135.022.898
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		86.393.447	27.135.022.898
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		33.553.632.321	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		528.421.378.141	486.755.527.653

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023


Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởngPhạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	387.948.150.051	298.162.316.207
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	387.948.150.051	298.162.316.207
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	305.774.192.623	228.986.494.515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.173.957.428	69.175.821.692
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.824.555.756	2.942.863.715
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.078.533.920	4.847.188.851
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.068.478.726	4.821.173.263
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.116.341.628	12.031.467.917
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	26.049.651.991	26.838.458.498
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.753.985.645	28.401.570.141
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.578.690.531	3.977.641.141
13. Chi phí khác	32		9.494.150	53.265.558
14. Lợi nhuận khác	40		2.569.196.381	3.924.375.583
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.323.182.026	32.325.945.724
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	8.258.314.542	7.049.655.474
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	1.511.235.163	(410.020.172)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>33.553.632.321</u>	<u>25.686.310.422</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		33.553.632.321	25.686.310.422
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>854</u>	<u>935</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>854</u>	<u>935</u>

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Vi Ngọc Đại
Người lậpNguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởngPhạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.323.182.026	32.325.945.724
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	38.337.774.574	33.910.158.159
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.21	603.611.754	(600.298.554)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(17.015.951)	(3.767.128)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.7	(1.757.715.741)	(2.913.732.873)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.068.478.726	4.821.173.263
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		82.558.315.388	67.539.478.591
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.284.687.861)	(6.840.048.634)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		48.644.467.834	(30.570.375.468)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(19.691.912.650)	(1.130.978.302)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		21.497.765	(526.687.229)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17;VI.4	(2.511.105.183)	(4.827.604.871)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(7.755.792.302)	(10.347.553.052)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19;V.22; V.24	(2.673.933.540)	(6.030.733.644)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		76.306.849.451	7.265.497.391
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9;V.11;VI I	(48.243.073.572)	(28.526.975.631)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9;VI.7, VII	86.574.074	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(21.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	10.500.000.000	50.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5;VI.3	1.099.037.974	2.974.910.955
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(57.557.461.524)	24.447.935.324

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.24	122.042.400.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	28.755.687.215	187.473.039.466
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(96.380.683.094)	(172.592.075.575)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19;V.24	(22.244.659.000)	(27.602.913.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>32.172.745.121</i>	<i>(12.721.949.109)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		50.922.133.048	18.991.483.606
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30.403.115.318	11.407.864.584
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.015.951	3.767.128
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	81.342.264.317	30.403.115.318

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, văn phòng và dân dụng, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty mẹ chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNTT có trụ sở chính tại số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xuất bản phần mềm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ đã góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, Đường Bắc Nam, Khu đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lư, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, Xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 307 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 328 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất; vật tư, thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

Vật tư, thiết bị khảo sát

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí xây dựng, sửa chữa

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 06 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng.
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình (năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

17. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	649.748.644	792.771.036
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.192.515.673	14.610.344.282
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	<u>60.500.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>
Cộng	<u>81.342.264.317</u>	<u>30.403.115.318</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>89.441.092.044</u>	<u>64.217.890.594</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	31.587.644.319	20.507.475.163
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	11.172.760.650	19.100.070.594
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	8.299.201.780	10.307.161.477

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	9.402.385.689	4.779.727.531		
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	20.698.422.819	3.331.302.886		
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	2.957.445.659	3.017.514.654		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	1.559.445.543	2.290.782.343		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	582.838.283	247.423.763		
Công ty TNHH Becamex Tokyu	45.112.178	267.828.713		
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	733.455.832	231.940.138		
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	4.745.400	80.745.500		
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	452.976.897	30.489.498		
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	1.650.000	18.150.000		
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước	1.337.115.328	5.628.334		
Công ty Cổ phần Dược Enlie	1.650.000	1.650.000		
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	6.666.667			
Phải thu các khách hàng khác	22.399.642.634	20.656.451.764		
Cộng	111.243.159.678	84.874.342.358		
4. Trả trước cho người bán khác ngắn hạn				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện	2.596.723.593	2.596.723.593		
Công ty TNHH Schneider Electric Việt Nam	-	4.542.420.960		
Công ty Điện lực Bình Dương	287.749.174	487.200.050		
Công ty Cổ phần Cấp điện Thịnh Phát	899.901.038	-		
Công ty TNHH MTV Xây dựng La Giang	527.272.416			
Các nhà cung cấp khác	1.495.952.912	2.650.948.053		
Cộng	5.807.599.133	10.277.292.656		
5. Phải thu khác				
5a. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	453.878.200	-	475.358.528	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Ký quỹ ngắn hạn	453.878.200	-	12.000.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ ngắn hạn	-	-	9.480.328	-
Ông Lê Xuân Vinh - Tạm ứng	-	-	453.878.200	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	15.547.586.670	(2.309.450.910)	14.412.232.472	(2.309.450.910)
Tạm ứng	13.952.737.442	(2.309.450.910)	10.872.237.087	(2.309.450.910)
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	189.723.635	-	180.523.635	-
Lãi dự thu	604.663.247	-	13.427.133	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	800.462.346	-	3.346.044.617	-
Cộng	16.001.464.870	(2.309.450.910)	14.887.591.000	(2.309.450.910)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	89.105.328	-	18.625.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ dài hạn	27.105.328	-	17.625.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Ký quỹ dài hạn	1.000.000	-	1.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước - Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định - Ký quỹ dài hạn	51.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	95.579.426	-	135.720.036	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	95.579.426	-	135.720.036	-
Cộng	184.684.754	-	154.345.036	-

6. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
<i>Từ 03 đến 06 tháng</i>	978.000	684.600	38.418.619	26.496.539
<i>Từ 06 đến 09 tháng</i>	20.502.696	10.251.348	44.470.861	22.235.431
<i>Từ 09 đến 12 tháng</i>	43.327.364	12.998.209	49.485.967	14.845.790
<i>Trên 12 tháng</i>	710.918.335	-	976.269.263	-
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
<i>Dưới 01 năm</i>	27.853.675	19.497.573	3.797.934	2.658.554
<i>Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm</i>	19.079.439	9.539.720	83.201.667	41.600.834
<i>Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm</i>	60.853.058	18.255.917	122.994.451	36.898.335
<i>Trên 03 năm</i>	505.283.182	-	439.875.286	-
Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân				
<i>Trên 03 năm</i>	2.309.450.910	-	2.309.450.910	-
Tiền trả trước cho các nhà cung cấp				
<i>Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm</i>	273.599.927	-	-	-
<i>Từ trên 02 đến dưới 03 năm</i>	-	-	1.653.974	826.986
<i>Trên 03 năm</i>	-	-	271.945.952	-
Cộng	3.971.846.586	71.227.367	4.341.564.884	145.562.469

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.196.002.415	4.051.067.567
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(295.383.196)	144.934.848
Số cuối năm	3.900.619.219	4.196.002.415

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	25.688.230.462	-	31.458.495.828	-
Công cụ, dụng cụ	347.317.118	-	768.218.095	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	54.157.803.919	-	86.743.056.849	-
Hàng hóa bất động sản	43.625.176.589	-	53.486.471.125	-
Hàng hóa	16.965.870	-	23.719.895	-
Cộng	123.835.493.958	-	172.479.961.792	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	687.490.023	627.690.489
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.391.700.418	937.160.298
Cộng	2.079.190.441	1.564.850.787

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.806.567.743	2.391.272.028
Chi phí thuê đất	6.832.142.702	7.032.176.318
Vật tư, thiết bị khảo sát	42.312.180	29.065.140
Chi phí xây dựng, sửa chữa	371.593.200	637.915.550
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.356.154.352	854.178.560
Cộng	10.408.770.177	10.944.607.596

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.997.477.057	205.548.692.614	61.410.080.423	1.536.496.009	839.069.922	288.331.816.025
Mua trong năm	-	708.506.000	-	40.722.545	-	749.228.545
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	857.446.270	18.926.003.378	12.553.820.611	-	178.798.882	32.516.069.141
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(171.500.000)	-	-	(171.500.000)
Xuất trả lại	(1.818.181.818)	-	-	-	-	(1.818.181.818)
Số cuối năm	18.036.741.509	225.183.201.992	73.792.401.034	1.577.218.554	1.017.868.804	319.607.431.893
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.502.299.208	24.113.831.063	8.706.694.338	636.269.837	701.627.000	35.660.721.446
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	6.719.557.342	121.612.136.055	32.992.571.447	967.009.677	596.898.508	162.888.173.029
Khấu hao trong năm	1.083.610.899	27.718.217.585	7.966.185.857	247.466.293	174.299.019	37.189.779.653
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(152.367.579)	-	-	(152.367.579)
Xuất trả lại	(104.594.330)	-	-	-	-	(104.594.330)
Số cuối năm	7.698.573.911	149.330.353.640	40.806.389.725	1.214.475.970	771.197.527	199.820.990.773

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.277.919.715	83.936.556.559	28.417.508.976	569.486.332	242.171.414	125.443.642.996
Số cuối năm	10.338.167.598	75.852.848.352	32.986.011.309	362.742.584	246.671.277	119.786.441.120
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 22.477.252.417 VND và 3.515.687.701 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.889.485.692	14.175.907.465	18.065.393.157
Mua trong năm	-	3.412.326.362	3.412.326.362
Số cuối năm	3.889.485.692	17.588.233.827	21.477.719.519
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.188.487.917	8.188.487.917
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	8.757.524.352	8.757.524.352
Khấu hao trong năm	-	1.252.589.251	1.252.589.251
Số cuối năm	-	10.010.113.603	10.010.113.603
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.889.485.692	5.418.383.113	9.307.868.805
Số cuối năm	3.889.485.692	7.578.120.224	11.467.605.916
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.652.000.000	2.591.940.000	(526.990.000)	(578.150.000)	3.138.800.000
Xây dựng cơ bản dở dang	28.095.915.968	46.394.947.937	(35.401.405.503)	(3.080.112.345)	36.009.346.057
- Hạng mục xây dựng, cải tạo phòng giao dịch Mỹ Phước 3	1.032.313.167	118.148.317	(1.115.851.167)	-	34.610.317
- Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông cho các Khu dân cư K.J.L.I.H.G Mỹ Phước 3	2.805.756.535	1.843.922.249	(1.980.297.255)	(49.201.090)	2.620.180.439
- Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông Mỹ Phước 4	123.456.926	2.450.891.234	-	(30.237.959)	2.544.110.201
- Hạng mục thi công hệ thống viễn thông KCN VSIP 2 Mở rộng	-	71.043.613	-	(34.890.684)	36.152.929

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
- Hạng mục xây dựng phòng giao dịch Nghệ An	4.366.448.763	306.684.688	(3.928.669.751)	(75.107.751)	669.355.949
- Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng viễn thông khu công nghiệp kết nối các khu dân cư	3.307.076.884	613.737.000	(3.920.813.884)	-	-
- Hạng mục đầu tư hệ thống nguồn UPS, hệ thống đường ống lạnh, ngăn phòng VIP khu vực DC	2.739.022.159	34.256.114	(2.773.278.273)	-	-
- Hạng mục cài tạo hệ thống điện DC VNTT	2.297.264.000	13.824.031.746	-	-	16.121.295.746
- Hạng mục cài tạo và bổ sung hạ tầng viễn thông Mỹ Phước 1	-	451.358.997	(268.639.645)	(34.959.128)	147.760.224
- Hạng mục thi công Hạ tầng Viễn thông khu Dân cư Bàu Bàng	-	982.927.592	-	-	982.927.592
- Hạng mục đầu tư thiết bị Data Center VNTT	713.116.818	6.399.590.181	(6.559.278.999)	(553.428.000)	-
- Các công trình khác	10.711.460.716	19.298.356.206	(14.854.576.529)	(2.302.287.733)	12.852.952.660
Cộng	29.747.915.968	48.986.887.937	(35.928.395.503)	(3.658.262.345)	39.148.146.057

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi/lỗ các giao dịch nội bộ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	410.020.172	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(94.328.232)	-
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(315.691.940)	410.020.172
Số cuối năm	-	410.020.172

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế của Công ty TNHH Giải pháp VNTT với số tiền là 5.990.132.269 VND. Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại như sau:

Năm 2021	810.826.006
Năm 2022	5.179.306.263
Cộng	5.990.132.269

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.002.557.670	6.002.224.313
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	393.379.500	2.989.835.552
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	194.350.006	2.266.266.800
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	-	390.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	-	104.706.000
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	243.001.388	99.559.141
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	-	58.366.942
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	25.613.177	33.599.680
Công ty TNHH Becamex Tokyu	12.403.561	16.123.662
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	8.174.350	4.299.757
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	9.035.688	10.316.779
Công ty TNHH MTV Aspire	116.600.000	29.150.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	16.228.485.007	32.351.942.492
Công ty Cổ phần Cấp điện Thịnh Phát	25.410.000	15.659.520.407
Trung tâm Kinh doanh VNPT – Bình Dương – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	2.618.100.766	1.071.422.831
Công ty Cổ phần Truyền thông Số 1	2.272.772.480	-
Các nhà cung cấp khác	11.312.201.761	15.620.999.254
Cộng	17.231.042.677	38.354.166.805

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	242.625.000	103.625.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	72.625.000	72.625.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	-	31.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	170.000.000	-
Trả trước của các khách hàng khác	4.585.520.109	7.455.094.642
Văn phòng Điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương	2.264.439.676	3.980.155.850
Các khách hàng khác	2.321.080.433	3.474.938.792
Cộng	4.828.145.109	7.558.719.642

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	835.209.402	455.975.584	14.308.413.221	(11.687.369.203)	3.517.454.775	517.176.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.285.170.442	-	8.258.314.542	(7.755.792.302)	2.787.692.682	-
Thuế thu nhập cá nhân	248.804.006	-	1.851.279.724	(1.800.546.428)	299.537.302	-
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000	(12.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	253.738.000	(253.738.000)	-	-
Cộng	3.369.183.850	455.975.584	24.683.745.487	(21.509.445.933)	6.604.684.759	517.176.939

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học	Không chịu thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác	
- Từ ngày 01/01/2022 đến 31/01/2022	10%
- Từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 áp dụng theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ hàng hóa dịch vụ có các loại thuế suất khác nhau	08% hoặc 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Giải pháp VNTT phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tại các công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	8.258.314.542	7.049.655.474
Công ty TNHH Giải pháp VNTT	-	-
Cộng	8.258.314.542	7.049.655.474

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	1.346.681.723	7.205.670.014
Chi phí lãi vay	12.592.409	455.218.866
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	4.367.476.682	4.002.357.160
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	831.393.000	314.201.613
Cộng	6.558.143.814	11.977.447.653

18. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>500.000.000</i>	<i>700.040.000</i>
Thường ban điều hành	500.000.000	700.040.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>10.196.069.897</i>	<i>10.398.947.907</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	371.108.500	559.019.150
Cổ tức phải trả	7.761.123.300	7.039.510.100
Văn phòng điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương - Doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác phải trả	1.710.688.642	2.528.438.415
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	353.149.455	271.980.242
Cộng	10.696.069.897	11.098.987.907

19b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay

20a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	-	64.624.995.879
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	67.624.995.879

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	67.624.995.879	49.744.031.988
Số tiền vay phát sinh	28.755.687.215	187.473.039.466
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(96.380.683.094)	(172.592.075.575)
Số cuối năm	3.000.000.000	67.624.995.879

20b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương nhằm thực hiện dự án "Trang bị các thiết bị phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ Viễn thông Công nghệ thông tin giai đoạn 2019 - 2025", thời hạn vay 84 tháng theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	3.000.000.000	3.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	6.676.271.500	9.676.271.500
Cộng	9.676.271.500	12.676.271.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.676.271.500	12.676.271.500
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số cuối năm	6.676.271.500	9.676.271.500

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả

21a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.498.615.598	1.836.131.940
Tăng do trích lập	2.051.272.547	992.170.414
Hoàn nhập dự phòng	(1.498.615.598)	(1.836.131.940)
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	192.647.650	506.445.184
Số cuối năm	2.243.920.197	1.498.615.598

21b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	237.224.284	644.941.344
Tăng do trích lập	346.338.001	192.647.650
Hoàn nhập dự phòng	-	(93.919.526)
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(192.647.650)	(506.445.184)
Số cuối năm	390.914.635	237.224.284

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.482.803.623	1.268.588.405
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.798.041.730	4.815.317.573
Chi quỹ	(1.473.893.540)	(4.601.102.355)
Số cuối năm	1.806.951.813	1.482.803.623

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	1.416.906.931	-
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(315.691.940)	-
Số cuối năm	1.101.214.991	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, Hội đồng quản trị đã thông qua các Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2021, số 14/2021/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2021 và số 02/2022/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2022 về phương án chào bán bổ sung 12.242.500 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu tại ngày chốt quyền để tăng vốn điều lệ từ 244.850.000.000 VND lên 367.275.000.000 VND.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 liên quan đến việc tăng vốn điều lệ này.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 185/2016/GCNCP-VSD-1 thay đổi lần thứ 01 của Trung tâm lưu ký chứng khoán – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh liên quan đến việc đăng ký bổ sung 12.242.500 cổ phiếu phát hành thêm. Ngày 27 tháng 4 năm 2022, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ra Thông báo số 1504/TB-SGDHN về việc đăng ký giao dịch bổ sung đối với lượng cổ phiếu phát hành thêm này.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	178.446.000.000	118.964.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	168.829.000.000	105.886.000.000
Cộng	<u>367.275.000.000</u>	<u>244.850.000.000</u>

24c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.727.500	24.485.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.727.500	24.485.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	24.485.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.727.500	24.485.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	24.485.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	22.036.500.000
• Chia cổ tức năm 2012, năm 2013 cho các cổ đông	929.772.200
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	1.284.315.521
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.798.041.730
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	500.000.000
• Thưởng ban điều hành	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	174.900.000	699.600.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	174.900.000
Cộng	174.900.000	874.500.000

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 58.300.000VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn thuê đến ngày 31 tháng 3 năm 2023.

25b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 17.369,7 USD (số đầu năm là 1.541,99 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	25.454.001.643	18.320.768.895
Doanh thu cung cấp dịch vụ	208.104.728.685	184.294.599.134
Doanh thu hợp đồng xây dựng	137.375.410.757	79.597.039.228
Doanh thu bất động sản	17.014.008.966	15.949.908.950
Cộng	387.948.150.051	298.162.316.207

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP		
Bán thiết bị	12.565.292.709	10.803.022.100
Cung cấp dịch vụ	5.889.069.445	4.977.585.680
Xây dựng công trình	42.466.170.561	23.955.958.021
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Bán thiết bị	2.177.490.000	10.400.000
Cung cấp dịch vụ	53.250.000	74.996.667
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Bán thiết bị	-	218.837.600
Cung cấp dịch vụ	155.000.000	1.254.595.519
Xây dựng công trình	84.859.803	5.114.284.800
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Cung cấp dịch vụ	2.400.000	26.691.285
Xây dựng công trình	21.424.557	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Bán thiết bị	-	1.333.865.000
Cung cấp dịch vụ	570.741.300	879.497.762
Xây dựng công trình	550.282.064	5.547.566.364
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Bán hàng hóa	-	674.753.000
Cung cấp dịch vụ	106.410.000	827.708.110
Xây dựng công trình	82.751.126	37.800.000
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Bán hàng hóa	-	63.700.000
Cung cấp dịch vụ	1.242.064.000	592.168.954
Xây dựng công trình	466.789.793	155.382.000
Công ty Cổ phần Dược Enlie		
Cung cấp dịch vụ	-	16.950.000
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Bán hàng hoá	-	15.352.726
Cung cấp dịch vụ	5.740.000	497.414.402
Xây dựng công trình	401.916.154	55.846.000
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	75.000.000	212.172.278
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Bán hàng hoá	966.575.000	122.227.000
Cung cấp dịch vụ	162.965.020	1.376.677.747
Xây dựng công trình	620.145.000	141.177.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Bán hàng hoá	-	3.400.000
Cung cấp dịch vụ	438.423.389	90.445.734
Xây dựng công trình	43.500.000	287.494.000
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Xây dựng công trình	12.215.021.700	13.473.871.400
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Bán hàng hoá	47.150.000	11.580.000
Cung cấp dịch vụ	129.410.894	212.718.325
Xây dựng công trình	6.519.526.296	10.757.885.022
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		
Bán hàng hoá	106.150.000	1.397.741.000
Cung cấp dịch vụ	756.864.301	404.789.032
Xây dựng công trình	3.354.041.962	4.510.308.750
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Cung cấp dịch vụ	7.190.000	27.750.000
Bán thiết bị	208.856.667	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.879.278.430	17.003.167.932
Giá vốn cung cấp dịch vụ	146.807.661.996	125.832.542.360
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	123.972.219.661	74.663.393.667
Giá vốn của kinh doanh bất động sản	10.115.032.536	11.487.390.556
Cộng	<u>305.774.192.623</u>	<u>228.986.494.515</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.690.274.088	318.410.956
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	76.691.948	23.234.423
Lãi cho vay	-	2.595.321.917
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	40.573.769	2.129.291
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.015.951	3.767.128
Cộng	<u>1.824.555.756</u>	<u>2.942.863.715</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.068.478.726	4.821.173.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.766.064	25.878.653
Chi phí tài chính khác	2.289.130	136.935
Cộng	<u>2.078.533.920</u>	<u>4.847.188.851</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.702.082.569	9.271.040.047
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	40.464.866	51.562.486
Chi phí khấu hao	27.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.841.773	183.226.397
Chi phí khác	3.201.952.420	2.525.638.987
Cộng	<u>15.116.341.628</u>	<u>12.031.467.917</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.591.659.241	13.602.221.315
Chi phí vật liệu quản lý	652.045.357	370.410.401
Chi phí đồ dùng văn phòng	417.671.441	516.507.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.497.374.095	1.639.953.455
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(295.383.196)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.139.123.407	7.446.036.459
Chi phí khác	4.047.161.646	3.263.328.989
Cộng	<u>26.049.651.991</u>	<u>26.838.458.498</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	67.441.653	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.498.615.598	1.930.051.466
Thu nhập khác	1.012.633.280	2.047.589.675
Cộng	2.578.690.531	3.977.641.141

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	94.328.232	(410.020.172)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.416.906.931	-
Cộng	1.511.235.163	(410.020.172)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	33.553.632.321	25.686.310.422
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.684.290.586)	(1.798.041.730)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(1.400.000.000)	(1.000.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.469.341.735	22.888.268.692
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	34.513.788	24.485.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	854	935

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số thực tế trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 924 VND lên 935 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.900.641.045	89.255.887.117
Chi phí nhân công	66.580.477.846	62.877.285.595
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.191.216.425	33.910.158.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.130.866.432	74.933.019.978
Chi phí khác	22.497.924.859	20.197.434.450
Cộng	300.301.126.607	281.173.785.299

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có công nợ phải trả mua sắm tài sản cố định trị giá 945.531.242 VND (số đầu năm là 3.110.750.677 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	12.372.097.860	5.085.608.860
Trên 01 năm đến 05 năm	14.664.375.000	19.063.461.540
Cộng	27.036.472.860	24.149.070.400

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày ở các thuyết minh số V.5a và V.19a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Giang Quốc Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	80.000.000	86.398.370	115.000.000	281.398.370
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	-	-	30.000.000	30.000.000
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	105.000.000	105.000.000
Ông Quảng Văn Viết Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm soát viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Lê Đức Thịnh - Kiểm soát viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Các thành viên khác	1.302.602.174	725.280.850	160.000.000	2.187.883.024
Cộng	1.382.602.174	811.679.220	700.000.000	2.894.281.394

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm trước				
Ông Huỳnh Quang Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	115.000.000	115.000.000
Bà Võ Thị Thanh Hương - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	105.000.000	105.000.000
Ông Giang Quốc Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	240.000.000	164.498.431	105.000.000	509.498.431
Ông Quảng Văn Việt Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Bà Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	95.000.000	95.000.000
Ông Đặng Thanh Hưng - Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	65.000.000	65.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	40.000.000	40.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	40.000.000	40.000.000
Các thành viên khác	1.196.965.000	673.213.789	-	1.870.178.789
Cộng	1.436.965.000	837.712.220	660.000.000	2.934.677.220

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	Cổ đồng có ảnh hưởng đáng kể
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng lớn
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Aspire	Công ty con của Trường Đại học Quốc tế Miền Đông

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh thêm giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP		
Chia cổ tức	10.706.760.000	14.275.680.000
Phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng	28.174.413	30.742.283
Lãi cho vay	-	2.595.321.917

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Phí dịch vụ	234.890.000	344.764.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	214.536.876	352.085.918
Cổ tức được chia	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Phí dịch vụ	311.997.678	818.182
Doanh thu phân chia dịch vụ	299.255.742	-
Chi phí thuê nhà	12.741.936	-
Cổ tức được chia	1.020.000.000	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Tiền điện và tiền thuê phòng phải trả	145.120.731	191.159.431
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Phí dịch vụ	48.997.836	323.854.647
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Phí dịch vụ	14.708.933	92.240.427
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Mua hàng hóa, dịch vụ	428.374.842	377.306.031
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Phí dịch vụ	41.401.407	20.895.334
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Phí dịch vụ	2.578.373.973	2.699.067.305
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Nhận chuyển nhượng bất động sản	-	1.818.181.818
Trả lại bất động sản	(1.818.181.818)	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		
Phí dịch vụ	-	256.877.570
Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Becames Bình Định		
Ký quỹ dài hạn	51.000.000	-
Công ty TNHH MTV Aspire		
Phí dịch vụ	699.600.000	116.600.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

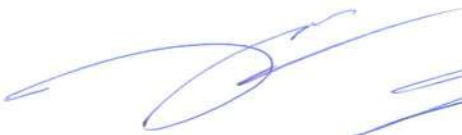
Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

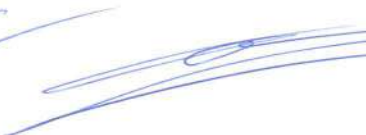
4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023




Vi Ngọc Đại
Người lập biểu


Nguyễn Văn Phúc
Kê toán trưởng


Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.850.000.000	-	23.814.527.751	439.285.060	51.623.294.767	320.727.107.578
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	25.686.310.422	25.686.310.422
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	14.445.952.718	-	(19.261.270.291)	(4.815.317.573)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(29.513.312.000)	(29.513.312.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Số dư cuối năm trước	244.850.000.000	-	38.260.480.469	439.285.060	27.135.022.898	310.684.788.427
Số dư đầu năm nay	244.850.000.000	-	38.260.480.469	439.285.060	27.135.022.898	310.684.788.427
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	122.425.000.000	-	-	-	-	122.425.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	(382.600.000)	-	-	33.553.632.321	33.171.032.321
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	1.284.315.521	-	(3.082.357.251)	(1.798.041.730)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(22.966.272.200)	(22.966.272.200)
Thù lao Hội đồng quản trị, thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	367.275.000.000	(382.600.000)	39.544.795.990	439.285.060	33.640.025.768	440.516.506.818

Đơn vị tính: VND

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực			Cộng
	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	208.104.728.685	137.375.410.757	17.014.008.966	387.948.150.051
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.104.728.685	137.375.410.757	17.014.008.966	387.948.150.051
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	61.297.066.689	13.403.191.096	6.898.976.430	82.173.957.428
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	574.723.213	(41.165.993.619)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	41.007.963.809
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	1.824.555.756
Chi phí tài chính	-	-	-	(2.078.533.920)
Thu nhập khác	-	-	-	2.578.690.531
Chi phí khác	-	-	-	(9.494.150)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(8.258.314.542)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(1.511.235.163)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	33.553.632.321
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	23.959.999.823	15.877.943.672	1.966.490.760	44.746.425.125
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	22.633.733.847	15.260.343.371	1.890.000.674	42.611.634.900
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	898.994.950	-	898.994.950

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	184.294.599.134	79.597.039.228	15.949.908.950	18.320.768.895	298.162.316.207
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	184.294.599.134	79.597.039.228	15.949.908.950	18.320.768.895	298.162.316.207
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	58.462.056.774	4.933.645.561	4.462.518.394	1.317.600.963	69.175.821.692
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(38.869.926.415)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					30.305.895.277
Doanh thu hoạt động tài chính					2.942.863.715
Chi phí tài chính					(4.847.188.851)
Thu nhập khác					3.977.641.141
Chi phí khác					(53.265.558)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(7.049.655.474)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					410.020.172
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					25.686.310.422
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	18.761.815.080	9.671.255.829	7.580.722.931	1.826.176.002	37.839.969.842
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	17.001.836.605	8.190.302.675	6.419.891.729	1.546.534.851	33.158.565.860
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	443.128.625	(542.742.965)	-	-	(99.614.340)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	90.827.885.029	53.140.952.215	43.642.142.459	-	187.610.979.703
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	340.810.398.438
Tổng tài sản					528.421.378.141
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	23.410.064.739	3.981.516.555	-	-	27.391.581.294
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	60.513.290.029
Tổng nợ phải trả					87.904.871.323
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	83.048.265.108	86.730.938.614	53.486.471.125	23.719.895	223.289.394.742
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	263.466.132.911
Tổng tài sản					486.755.527.653
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.657.117.079	5.715.995.732	800.000.000	-	21.173.112.811
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	154.897.626.415
Tổng nợ phải trả					176.070.739.226

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Vi Ngọc Đại
Người lập